

Họ và tên

Lớp..... SBD Phòng thi.....

Mã đề thi: 245

Phần trắc nghiệm: Chọn phương án trả lời A, B, C hoặc D tương ứng với nội dung câu hỏi:

Câu 1. Miền Bắc có vai trò như thế nào đối với cách mạng cả nước trong kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975)?

- A. Cơ bản nhất. B. Quan trọng nhất. C. Quyết định nhất. D. Quyết định trực tiếp.

Câu 2. Quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mỹ-Diệm là nội dung quan trọng của

- A. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ III (9-1960).
B. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975).
C. kì họp thứ 4 Quốc hội khoá I (3-1955).
D. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1959).

Câu 3. Thắng lợi nào của quân dân Việt Nam buộc Mĩ phải rút hết quân về nước?

- A. Trận Điện Biên Phủ trên không cuối năm 1972.
B. Tiến công chiến lược năm 1972.
C. Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.
D. Hiệp định Pari 1973.

Câu 4. Cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ trong các cuộc phản công chiến lược mùa khô 1966- 1967 là cuộc hành quân nào?

- A. Xêđanphôn. B. Atonbôrơ.
C. Ánh sáng sao. D. Gian Xon Xi ty.

Câu 5. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam Việt Nam từ sau 1954 đến 1975 là

- A. hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.
B. chống lại sự bắn phá và ném bom ác liệt của chính quyền Mỹ-Diệm.
C. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà.
D. tiến hành đấu tranh vũ trang để đánh bại chiến tranh xâm lược của Mỹ, Diệm.

Câu 6. Chủ trương giải phóng miền Nam mà Bộ Chính trị đề ra cuối năm 1974 đầu năm 1975 là gì?

- A. Đánh từng gó nhỏ.
B. Đánh nhanh thắng nhanh.
C. Đánh từ Bắc đến Nam.
D. Đánh chắc thắng chắc.

Câu 7. Mục đích của Mĩ trong việc thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là

- A. Bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.
B. Cố giành một thắng lợi quân sự để kết thúc chiến tranh.
C. Dùng người Việt đánh người Việt.
D. Cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, buộc ta trở về phòng ngự.

Câu 8. Ngày 6/6/1969 gắn với sự kiện lịch sử nào của dân tộc ta?

- A. Quân giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
B. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời.
C. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
D. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam chính thức tham dự Hội nghị Pa-ri.

Câu 9. Chiến thắng của quân dân ta được coi là “Áp Bắc” đối với quân Mĩ, mở đầu cho cao trào “Tìm Mĩ mà đánh lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam Việt nam là

- A. Bình Giã - Bà Rịa.
B. Núi Thành - Quảng Nam.
C. Vạn Tường - Quảng Ngãi.
D. Trà Bồng - Quảng Ngãi.

Câu 10. Ý nào dưới đây **không phải** là kết quả và ý nghĩa của trận “Điện Biên Phủ trên không”?

- A. Mĩ chấm dứt Chiến tranh phá hoại miền Bắc.
B. Đánh bại cuộc tập kích bằng máy bay B52 của Mĩ.

- C. Mĩ tăng cường lực lượng Mĩ cho chiến trường miền Nam.
D. Buộc Mĩ chấp nhận kí hiệp định Pari.
- Câu 11.** Quân đội Sài Gòn được Mĩ sử dụng là lực lượng nào chủ yếu trong Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam Việt Nam nhằm
- A. tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam.
B. tiếp tục “Dùng người Việt đánh người Việt”.
C. tiếp tục Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
D. xoa dịu dư luận Mĩ.
- Câu 12.** Trong Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, Mĩ sử dụng thủ đoạn thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô nhằm
- A. lôi kéo các nước đó chống lại cuộc kháng chiến của nhân dân ta.
B. hạn chế sự giúp đỡ của các nước đó với cuộc kháng chiến của nhân dân ta.
C. liên kết với các nước đó chống lại cuộc kháng chiến của nhân dân ta.
D. xoa dịu mâu thuẫn Trung – Xô và lôi kéo các nước đó chống lại cuộc kháng chiến của nhân dân ta.
- Câu 13.** Lực lượng nào đóng vai trò chủ đạo trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ?
- A. Quân đội Sài Gòn.
B. Quân đội Sài Gòn và quân đội Mĩ.
C. Quân đội Mĩ.
D. Quân đồng minh của Mĩ.
- Câu 14.** Chiến thắng nào của ta đã mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước?
- A. Hiệp định Pari năm 1973.
B. Trận Điện Biên Phủ trên không cuối năm 1972.
C. Cuộc tiến công chiến lược 1972.
D. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968
- Câu 15.** Chiến thắng quân sự nào của quân và dân miền Nam Việt Nam buộc Mĩ phải ngồi vào bàn đàm phán ở Pari?
- A. Chiến thắng Ấp Bắc năm 1963.
B. Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968.
C. Tiến công chiến lược năm 1972.
D. Chiến thắng Vạn Tường năm 1965.
- Câu 16.** Cuộc hành quân “tìm diệt” đầu tiên của quân đội Mĩ trong chiến lược Chiến tranh cục bộ tấn công vào căn cứ nào của Quân giải phóng ở miền Nam Việt Nam?
- A. Ấp Bắc (Mĩ Tho).
B. Đồng Xoài (Bình Phước).
C. Vạn Tường (Quảng Ngãi).
D. Bình Giã (Bà Rịa).
- Câu 17.** Vì sao ta quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công đầu tiên trong Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975?
- A. Dễ dàng kiểm soát được miền Nam.
B. Địa bàn rộng lớn và phức tạp.
C. Dựch phán đoán sai hướng tiến công của ta.
D. Có vị trí chiến lược quan trọng.
- Câu 18.** Chiến thắng Vạn Tường (18/8/1968) đã chứng tỏ điều gì?
- A. Quân viễn chinh Mỹ đã mất khả năng chiến đấu.
B. Quân dân miền Nam đủ sức đánh bại quân viễn chinh Mĩ.
C. Làm sụp đổ Ngụy quân Ngụy quyền Sài Gòn.
D. Mĩ thất bại hoàn toàn trong Chiến tranh cục bộ.
- Câu 19.** Vì sao năm 1968, trong cuộc chiến đấu chống Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, ta chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam?
- A. Mĩ đã chấm dứt hoàn toàn chiến tranh phá hoại miền Bắc.
B. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ đã bị phá sản.
C. Ý chí xâm lược của quân Mĩ đã bị lung lay.
D. Xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta.
- Câu 20.** Tại sao Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976?
- A. Lực lượng cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ.
B. Lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng.
C. Lực lượng cách mạng phát triển theo chiều hướng có lợi cho cách mạng.
D. Lực lượng cách mạng phát triển cả về số lượng và chất lượng.
- Câu 21.** Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ được thực hiện với quy mô chủ yếu là ở
- A. miền Nam Việt Nam.
B. miền Nam Việt Nam và mở rộng 3 nước Đông Dương.
C. miền Nam Việt Nam và chiến tranh phá hoại ra miền Bắc.

D. toàn bộ Việt Nam.

Câu 22. Thắng lợi quan trọng của Hiệp định Pa-ri đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước là

- A. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “Mĩ cút”, “Ngụy nhào”.
- B. phá sản hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh.
- C. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “Ngụy nhào”.
- D. đánh cho “Mĩ cút”, đánh cho “Ngụy nhào”.

Câu 23. Một trong những thủ đoạn mới của Mĩ trong Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 – 1973) là

- A. thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô.
- B. quân viễn chinh Mĩ được đưa vào Đông Dương ngày càng nhiều.
- C. quân đồng minh của Mĩ được đưa vào Đông Dương ngày càng nhiều .
- D. dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam.

Câu 24. Thắng lợi nào của quân dân Việt Nam buộc Mĩ phải rút hết quân về nước?

- A. Hiệp định Pari 1973.
- B. Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.
- C. Tiến công chiến lược năm 1972.
- D. Trận Điện Biên Phủ trên không cuối năm 1972.

Câu 25. Lực lượng chủ yếu thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ khác gì so với lực lượng chủ yếu trong “Chiến tranh đặc biệt” và “Việt Nam hóa chiến tranh”?

- A. Quân đội Sài Gòn là chủ yếu.
- B. Quân đội Mĩ và quân đội đồng minh của Mĩ là chủ yếu.
- C. Thực hiện song song giữa quân đội Sài Gòn là quân đội Mĩ.
- D. Kết hợp giữa quân đội Sài Gòn và quân đội Mĩ.

Câu 26. Một trong những điểm giống nhau giữa các chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, “Chiến tranh cục bộ”, “Chiến tranh đặc biệt” là gì?

- A. Đều là chiến tranh xâm lược thực dân mới.
- B. Quân Mĩ giữ vai trò quan trọng.
- C. Quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ yếu.
- D. Đều sử dụng quân đồng minh của Mĩ.

Câu 27. Hoàn cảnh kí kết Hiệp định Pari (1973) và Hiệp định Giơnevơ (1954) có điểm gì giống nhau?

A. Có sự tham gia đàm phán của 9 bên là Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc, 3 nước Đông Dương, chính quyền tay sai.

- B. Nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của tất cả các quốc gia trên thế giới.
- C. Có sự giúp đỡ của Liên Xô trong đàm phán.
- D. Đều xuất phát từ thắng lợi quân sự quyết định.

Câu 28. Nguyên nhân quyết định dẫn đến thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta là gì?

- A. Sự giúp đỡ của bên ngoài.
- B. Có hậu phương vững chắc.
- C. Nhân dân có lòng yêu nước.
- D. Sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 29. Bài học kinh nghiệm nào trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) được Đảng tiếp tục vận dụng trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954- 1975)?

- A. Tăng cường đoàn kết trong nước và quốc tế.
- B. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và dân vận.
- C. Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của dư luận quốc tế.
- D. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Câu 30. Từ kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao buộc Mĩ phải kí kết Hiệp định Pari năm 1973, bài học kinh nghiệm nào được rút ra cho vấn đề ngoại giao hiện nay?

- A. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, kinh tế và ngoại giao.
- B. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, binh vận và ngoại giao.
- C. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao.
- D. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh văn hóa, chính trị và ngoại giao.

----- Hết -----